

Số: /2025/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Quy định một số nội dung quản lý nhà nước về giá
trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Giá; số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính: số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá; số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; số 44/2025/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2024/TT-BTC; số 33/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 quy định về kinh phí đầu tư xây dựng, duy trì, nâng cấp, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu về giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 7361/TTr-STC ngày 16/10/2025; ý kiến của Sở Tư pháp tại Văn bản số 2787/STP-XDKT&TDTHPL ngày 01/10/2025, Văn bản số 2551/BC-STP ngày 18/11/2024; ý kiến của Sở Nội vụ tại Văn bản số 4634/SNV-VP ngày 23/9/2025;

Thực hiện kết luận của UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 02/12/2025 (Thông báo số 672/TB-UBND ngày 02/12/2025); kết luận của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 02/12/2025 (Thông báo số 28-TB/ĐU ngày 02/12/2025);

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định một số nội dung quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định về phân công các cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính cấp dưới tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, bao gồm: bình ổn giá; định giá; hiệp thương giá; kê khai giá; kiểm tra yếu tố hình thành giá; tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương; thẩm định giá của Nhà nước; kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

2. Những nội dung quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá không quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định tại Luật Giá, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Giá và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ, người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá, thẩm định giá.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

BÌNH ỔN GIÁ, ĐỊNH GIÁ, HIỆP THƯƠNG GIÁ, KÊ KHAI GIÁ, KIỂM TRA YẾU TỐ HÌNH THÀNH GIÁ

Điều 3. Phân công tổ chức thực hiện bình ổn giá

1. Sở quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hoá, dịch vụ có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá do Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực quyết định theo quy định tại Điều 20 Luật Giá. Đối với việc bình ổn giá tại phạm vi địa phương áp dụng trong trường hợp mặt bằng giá thị trường hàng hóa dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá có biến động bất thường tại địa phương theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 Luật Giá, khoản 2 Điều 6 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, sở quản lý ngành, lĩnh vực đánh giá diễn biến thực tế và mặt bằng giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn để xây dựng báo cáo bình ổn giá, kèm theo văn bản đề nghị bình ổn giá gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chủ trương, biện pháp, thời hạn bình ổn giá phù hợp và phân công tổ chức thực hiện. Cụ thể như sau:

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì đối với các mặt hàng thóc tẻ, gạo tẻ; phân đạm, phân DAP, phân NPK; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản; vắc - xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm; thuốc bảo vệ thực vật;

b) Sở Công Thương chủ trì đối với các mặt hàng xăng, dầu thành phẩm; khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG);

c) Sở Y tế chủ trì đối với mặt hàng sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi; thuốc thuộc Danh mục thuốc thiết yếu;

d) Sở quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì đối với hàng hóa, dịch vụ được bổ sung vào Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá và hàng hóa, dịch vụ không nằm trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá nhưng cần bình ổn giá ngay theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 của Luật Giá. Trường hợp hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của nhiều sở quản lý ngành, lĩnh vực thì Ủy ban nhân dân tỉnh phân công cho một trong các Sở quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh và tổ chức thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật về bình ổn giá.

3. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá trên địa bàn theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Phân công tổ chức thực hiện định giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Luật Giá.

2. Phân công sở quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ, Ủy ban nhân dân cấp xã theo địa bàn quản lý thực hiện thẩm định phương án giá, tham mưu ban hành quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá được quy định tại Phụ lục 01 kèm theo Quyết định này. Sở quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ, Ủy ban nhân dân cấp xã theo phân công có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

3. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp chưa có quy định thì cơ quan được phân công tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật theo thẩm quyền, bảo đảm phù hợp với yêu cầu công tác quản lý nhà nước về giá trên địa bàn.

4. Việc lập phương án giá, thẩm định phương án giá, trình và ban hành văn bản định giá, điều chỉnh mức giá thực hiện theo quy định tại Điều 24 Luật Giá, Mục 2 Chương II Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

Điều 5. Phân công tổ chức thực hiện hiệp thương giá

1. Hàng hóa, dịch vụ hiệp thương giá phải đáp ứng tiêu chí quy định tại Điều 25 Luật Giá, bao gồm:

a) Không thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá; không thuộc các trường hợp phải đấu thầu, đấu giá theo quy định của pháp luật về đấu thầu, đấu giá;

b) Có tính chất độc quyền mua hoặc độc quyền bán mà bên mua, bên bán phụ thuộc nhau, khó thay thế được.

2. Sở quản lý ngành, lĩnh vực hiệp thương giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 26 Luật Giá. Trường hợp hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của nhiều sở quản lý ngành, lĩnh vực thì Ủy ban nhân dân tỉnh phân công cho một trong các sở quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì.

3. Việc tổ chức hiệp thương giá thực hiện theo quy định tại Điều 27 Luật Giá, Mục 3 Chương II Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

Điều 6. Phân công tổ chức thực hiện kê khai giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá tại địa phương được quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật Giá và khoản 1 Điều 14 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, bao gồm:

- a) Hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá;
- b) Hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu để các tổ chức định mức giá cụ thể bán cho người tiêu dùng;
- c) Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác do Chính phủ ban hành tại Mục IV Phần A Phụ lục V kèm theo Nghị định số 85/2024/NĐ-CP;
- d) Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương tại Phần B Phụ lục V kèm theo Nghị định số 85/2024/NĐ-CP: sở quản lý ngành, lĩnh vực căn cứ yêu cầu, mục tiêu quản lý, tình hình thực tế tại địa phương, đánh giá sự cần thiết của việc thực hiện kê khai giá tại địa phương đối với hàng hóa, dịch vụ đặc thù, có văn bản đề nghị gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tiếp nhận kê khai giá. Văn bản đề nghị cần nêu rõ tên hàng hóa, dịch vụ, dự kiến đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ, cơ quan tiếp nhận kê khai giá của hàng hóa, dịch vụ.

2. Cơ quan tiếp nhận kê khai giá

a) Phân công cơ quan chuyên môn theo ngành, lĩnh vực quản lý về hàng hoá, dịch vụ tiếp nhận văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ được quy định tại Phụ lục 02 kèm theo Quyết định này;

b) Cơ quan được phân công tiếp nhận kê khai giá tại điểm a khoản này thực hiện quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

3. Tổ chức kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng kê khai giá

a) Cơ quan được phân công tiếp nhận kê khai giá tại điểm a khoản 2 Điều này chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, tổng hợp Danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá tại địa phương gửi Sở Tài chính tổng hợp. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan được phân công tiếp nhận kê khai giá và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và đăng tải Danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa,

dịch vụ thực hiện kê khai giá tại địa phương theo quy định tại điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 16 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP;

b) Tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh sách thực hiện kê khai giá tại địa phương thực hiện quyền và trách nhiệm quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

4. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ kê khai giá

a) Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục thực hiện kê khai giá trên phạm vi cả nước thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan;

b) Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh. Sở quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với hàng hóa, dịch vụ đặc thù thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý theo phân công tại Quyết định này, bảo đảm phù hợp với yêu cầu công tác quản lý nhà nước về giá trên địa bàn;

c) Cơ quan có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương được quy định tại Phụ lục 02 kèm theo Quyết định này.

5. Trường hợp cần đề nghị điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá thuộc thẩm quyền của Chính phủ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 28 của Luật Giá, Sở Tài chính chủ trì phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định 85/2024/NĐ-CP.

Điều 7. Phân công tổ chức thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá

1. Sở quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hoá, dịch vụ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với bình ổn giá, định giá, kê khai giá tại Điều 3, Điều 4, Điều 6 Quyết định này có trách nhiệm thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý.

2. Việc kiểm tra yếu tố hình thành giá thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương IV Luật Giá.

Mục 2

TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH, DỰ BÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG, CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ GIÁ

Điều 8. Đối tượng thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện báo cáo giá thị trường của địa phương gồm các hàng hoá, dịch vụ được quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Đối tượng thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường:

a) Sở Tài chính;

b) Cơ quan, đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường tại Điều 9, Điều 10 Quyết định này.

3. Cơ quan, đơn vị, địa phương quy định tại khoản 2 Điều này thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường trình cấp có thẩm quyền theo phân công được giao.

4. Nội dung báo cáo giá thị trường thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật Giá; thực hiện báo cáo theo danh mục hàng hóa, dịch vụ quy định tại Phụ lục II và theo mẫu quy định tại Phụ lục IV của Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

Điều 9. Phân công tổ chức thực hiện báo cáo giá thị trường định kỳ

1. Sở Tài chính xây dựng báo cáo giá thị trường định kỳ của địa phương gửi báo cáo cho Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá) tổng hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 15, khoản 1, khoản 2 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC trên cơ sở tổ chức thực hiện công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và tổng hợp báo cáo của các cơ quan, đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ báo cáo tại khoản 2 Điều này.

2. Các cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường định kỳ:

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường: các mặt hàng thóc tẻ, gạo tẻ, đường ăn thuộc danh mục Lương thực, thực phẩm và nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Vật tư nông nghiệp tại Phụ lục II kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC;

b) Sở Xây dựng: nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Vật liệu xây dựng, chất đốt (trừ mặt hàng khí dầu mỏ hóa lỏng LPG) và nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Giao thông tại Phụ lục II kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC;

c) Sở Công Thương: mặt hàng khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) thuộc danh mục Vật liệu xây dựng, chất đốt tại Phụ lục II kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC;

d) Sở Y tế: nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Dịch vụ y tế tại Phụ lục II kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC;

đ) Sở Giáo dục và Đào tạo: danh mục học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non công lập và cơ sở giáo dục phổ thông công lập thuộc danh mục Dịch vụ giáo dục trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục II kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC;

e) Thống kê tỉnh Hà Tĩnh phối hợp cung cấp báo cáo chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của địa phương; phân tích diễn biến CPI của địa phương trong kỳ báo cáo (nếu có); phân tích thực trạng, nguyên nhân của các yếu tố tác động đến CPI (nếu có);

g) Các cơ sở giáo dục đại học công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh có trách nhiệm báo cáo về mức học phí, mức giá dịch vụ giáo dục, đào tạo thuộc thẩm quyền quyết định của đơn vị mình theo yêu cầu của Sở Tài chính để phục vụ công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với danh mục học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục đại học công lập và cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc danh mục Dịch vụ giáo dục trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục II kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC;

h) Ủy ban nhân dân cấp xã: nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục Lương thực, thực phẩm tại Phụ lục số II kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC (trừ các mặt hàng thóc tẻ, gạo tẻ, đường ăn).

3. Tần suất thực hiện, thời gian chốt số liệu báo cáo và thời hạn của báo cáo giá thị trường định kỳ gửi Sở Tài chính tổng hợp:

a) Tần suất thực hiện báo cáo: thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC;

b) Thời gian chốt số liệu báo cáo: thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC;

c) Thời hạn gửi báo cáo: các cơ quan được giao nhiệm vụ báo cáo tại khoản 2 Điều này định kỳ xây dựng và gửi báo cáo giá thị trường về Sở Tài chính trước ngày 02 của tháng tiếp theo sau tháng kỳ báo cáo đối với báo cáo tháng và trước ngày 03 của tháng tiếp theo sau tháng cuối cùng của kỳ báo cáo đối với báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm; đối với báo cáo 6 tháng, 9 tháng và cả năm, thực hiện báo cáo tương ứng quý II và 6 tháng, quý III và 9 tháng, quý IV và cả năm.

Điều 10. Phân công tổ chức thực hiện báo cáo giá thị trường đột xuất

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường đột xuất của địa phương để gửi báo cáo theo yêu cầu của Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá) để tổng hợp theo quy định tại Điều 15, khoản 1, khoản 3 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo giá thị trường tổng hợp đột xuất trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi có yêu cầu.

2. Sở quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo giá thị trường chuyên ngành đột xuất thuộc ngành, lĩnh vực quản lý trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi có yêu cầu; gửi báo cáo đột xuất theo yêu cầu phối hợp của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường thuộc địa bàn quản lý để gửi báo cáo đột xuất cho Sở Tài chính tổng hợp theo quy định; gửi báo cáo đột xuất cho sở quản lý ngành, lĩnh vực khi có yêu cầu.

4. Thời gian chốt số liệu báo cáo, thời hạn gửi báo cáo thực hiện bảo đảm kịp thời tổng hợp báo cáo theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

Điều 11. Quản lý cơ sở dữ liệu về giá

1. Giao Sở Tài chính tổ chức việc quản trị, điều hành toàn bộ hoạt động của hệ thống Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện Quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương; kết nối, chia sẻ Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương với Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá. Theo chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, Sở Tài chính được phân công đơn vị chuyên môn trực thuộc hoặc đơn vị sự nghiệp công lập triển khai các hoạt động cụ thể của cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp Sở Tài chính tổ chức thực hiện quản lý cơ sở dữ liệu về giá theo Quy chế hoạt động, vận hành, khai thác thông tin, dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương, quy định tại Quyết định này và quy định pháp luật có liên quan.

3. Kinh phí đầu tư xây dựng, duy trì, nâng cấp, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu về giá thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật Giá, Thông tư số 33/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 12. Phân công cập nhật thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương

1. Sở Tài chính thực hiện cập nhật đối với các thông tin, dữ liệu sau:

- a) Báo cáo giá thị trường của địa phương;
- b) Giá tính lệ phí trước bạ do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật;
- c) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh thuộc trách nhiệm thẩm định phương án giá của Sở Tài chính;
- d) Danh sách các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá, giá hàng hóa dịch vụ thực hiện kê khai thuộc trách nhiệm tiếp nhận kê khai giá của Sở Tài chính;
- đ) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do Sở Tài chính (bao gồm các đơn vị thuộc phạm vi quản lý) quyết định thành lập hoặc tham mưu cơ quan, người có thẩm quyền quyết định thành lập;
- e) Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do Sở Tài chính chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

2. Sở quản lý ngành, lĩnh vực thực hiện cập nhật đối với các thông tin, dữ liệu sau:

- a) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh thuộc trách nhiệm thẩm định phương án giá của sở quản lý ngành, lĩnh vực;

b) Danh sách các tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá, giá hàng hóa dịch vụ thực hiện kê khai thuộc trách nhiệm tiếp nhận kê khai giá của sở quản lý ngành, lĩnh vực;

c) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do sở quản lý ngành, lĩnh vực (bao gồm các đơn vị thuộc phạm vi quản lý) quyết định thành lập hoặc tham mưu cơ quan, người có thẩm quyền quyết định thành lập;

d) Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do sở quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện cập nhật đối với các thông tin, dữ liệu sau:

a) Giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh thuộc trách nhiệm thẩm định phương án giá của Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do người, cơ quan có thẩm quyền cấp xã quyết định thành lập;

c) Giá hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì tham mưu hoặc quyết định ban hành theo thẩm quyền.

Mục 3 THẨM ĐỊNH GIÁ CỦA NHÀ NƯỚC

Điều 13. Tổ chức thực hiện thẩm định giá của nhà nước

1. Hoạt động thẩm định giá của Nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 59 Luật Giá, không áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.

2. Việc thành lập, hoạt động của Hội đồng thẩm định giá thực hiện theo quy định tại Mục 3 Chương VI Luật Giá, các Chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam và quy định pháp luật có liên quan.

Mục 4 KIỂM TRA VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT VỀ GIÁ, THẨM ĐỊNH GIÁ

Điều 14. Phân công tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá

1. Sở Tài chính:

a) Kiểm tra các sở quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp xã về việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công tại Quyết định này và quy định pháp luật có liên quan;

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Các sở, ngành, cơ quan cấp tỉnh:

a) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc;

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý nhà nước về giá của sở, ngành, cơ quan mình theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh tại các Điều 3, Điều 4 và Điều 6 Quyết định này và quy định pháp luật có liên quan.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc;

b) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, địa bàn, phạm vi quản lý nhà nước về giá của Ủy ban nhân dân cấp xã theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh tại các Điều 3, Điều 4 và Điều 6 Quyết định này và quy định pháp luật có liên quan.

4. Việc xây dựng, phê duyệt và ban hành kế hoạch kiểm tra, tổ chức thực hiện kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá thực hiện theo quy định tại Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Cơ quan được giao nhiệm vụ tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này có trách nhiệm xây dựng kế hoạch kiểm tra gửi Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 12 hằng năm để tổng hợp và trình Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 25 tháng 12 hằng năm để phê duyệt theo quy định.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện Quyết định này.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã theo chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được giao có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này, triển khai phổ biến Quyết định này đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan thuộc phạm vi, lĩnh vực, địa bàn quản lý để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được phân công. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc hoặc nội dung cần hướng dẫn, các đơn vị phản ánh về Sở Tài chính để hướng dẫn giải quyết và tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung vượt thẩm quyền.

3. Trường hợp các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương thực hiện sắp xếp (sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động) thì cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2025.

2. Quyết định này thay thế các Quyết định: số 44/2017/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; số 39/2021/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi một số Điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 44/2017/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; số 38/2023/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ngưng hiệu lực khoản 2 Điều 16 Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như khoản 4 Điều 16;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- Báo và phát thanh, truyền hình Hà Tĩnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, TH₅.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Huy Thành

Phụ lục 01
PHÂN CÔNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỊNH GIÁ
(Kèm theo Quyết định số: /2025/QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan thẩm định phương án giá	Cơ quan tham mưu ban hành quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật
I	Định khung giá		
1	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
2	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
II	Định giá tối đa		
1	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
2	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
3	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
4	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
5	Dịch vụ sử dụng cảng cá được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
6	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
7	Dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
III	Định giá cụ thể		
1	Nước sạch		
1.1	Nước sạch tại khu vực đô thị	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường
1.2	Nước sạch tại khu vực nông thôn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
1.3	Nước sạch cấp nước đồng thời tại khu vực đô thị và khu vực nông thôn	Sở Xây dựng	

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan thẩm định phương án giá	Cơ quan tham mưu ban hành quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật
2	Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập	Sở Y tế	Sở Y tế
3	Dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập	Sở Y tế	Sở Y tế
4	Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
5	Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
6	Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương		
6.1	Trường hợp sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh, đặt hàng cho đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp (áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tỉnh ủy, UBND tỉnh)	Sở quản lý ngành, lĩnh vực	Sở quản lý ngành, lĩnh vực
6.2	Trường hợp sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh, đặt hàng cho đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp không thuộc trường hợp quy định tại Mục 6.1	Cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị sự nghiệp công lập được đặt hàng	
6.3	Trường hợp sử dụng ngân sách nhà nước cấp xã	Ủy ban nhân dân cấp xã	
7	Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
8	Dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
9	Dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan thẩm định phương án giá	Cơ quan tham mưu ban hành quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật
	doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân		
10	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối với khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước)	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
11	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
12	Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
13	Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước		
13.1	Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước là tài sản kết cấu hạ tầng do cấp tỉnh quản lý	Sở Công Thương	Sở Công Thương
13.2	Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước là tài sản kết cấu hạ tầng do cấp xã quản lý	Ủy ban nhân dân cấp xã	
14	Dịch vụ vận tải hành khách, hành lý trên đường sắt đô thị	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
IV	Theo lĩnh vực định giá khung giá, giá tối đa, giá cụ thể tùy dịch vụ		
1	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ	Sở quản lý ngành, lĩnh vực	Sở quản lý ngành, lĩnh vực

Phụ lục 02
PHÂN CÔNG TỔ CHỨC THỰC HIỆN KÊ KHAI GIÁ
(Kèm theo Quyết định số: /2025/QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá	Cơ quan tham mưu ban hành quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật
A	Hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên phạm vi cả nước		
I	Hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá		
1	Xăng, dầu thành phẩm	Sở Công Thương	
2	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	Sở Công Thương	
3	Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi	Sở Y tế	
4	Thóc tẻ, gạo tẻ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
5	Phân đạm; phân DAP; phân NPK	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
6	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
7	Vắc-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
8	Thuốc bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
9	Thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế	
II	Hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu để các tổ chức định mức giá cụ thể bán cho người tiêu dùng		
1	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
2	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
3	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
4	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá	Cơ quan tham mưu ban hành quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật
5	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
6	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng	Sở Xây dựng
7	Dịch vụ sử dụng cảng cá được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
8	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Sở Tư pháp	Sở Tư pháp
9	Dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường
10	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ	Sở quản lý ngành, lĩnh vực	Sở quản lý ngành, lĩnh vực
III	Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác do Chính phủ ban hành		
1	Xi măng	Sở Xây dựng	
2	Nhà ở, nhà chung cư	Sở Xây dựng	
3	Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư ngoài nguồn ngân sách nhà nước (giá thuê)	Sở Xây dựng	
4	Thép xây dựng	Sở Công Thương	
5	Than	Sở Công Thương	
6	Etanol nhiên liệu không biến tính	Sở Công Thương	
7	Khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG)	Sở Công Thương	
8	Thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
9	Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
10	Muối ăn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
11	Dịch vụ tại cảng biển khác ngoài hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá	Sở Xây dựng	
12	Dịch vụ vận chuyển hành khách bằng đường sắt loại ghế ngồi cứng, ghế ngồi mềm	Sở Xây dựng	

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá	Cơ quan tham mưu ban hành quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật
13	Dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ	Sở Xây dựng	
14	Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi	Sở Y tế	
15	Thiết bị y tế	Sở Y tế	
16	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	Sở Y tế	
17	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân	Sở Y tế	
B	Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương (trong trường hợp áp dụng)		
1	Dịch vụ lưu trú	Sở quản lý ngành, lĩnh vực có văn bản đề nghị gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định	Sở quản lý ngành, lĩnh vực có văn bản đề nghị gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định
2	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước		
3	Dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn		
4	Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi		
5	Dịch vụ vận tải hành khách tham quan du lịch		
6	Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách tuyến cố định bằng đường thủy nội địa - đường biển		
7	Vật liệu xây dựng chủ yếu khác (ngoài xi măng, thép quy định tại Danh mục kê khai giá trên phạm vi cả nước)		
8	Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp		
9	Dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá		
10	Dịch vụ kinh doanh nước khoáng nóng		